

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1212/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030,

tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan; tính chính xác của thông tin, số liệu nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chương trình, dự án tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh); xây dựng lộ trình tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh đã đề ra.

b) Phân công trách nhiệm chủ trì và trách nhiệm phối hợp giữa tỉnh Đắk Lắk và các Bộ, ngành Trung ương bảo đảm thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh. Đồng bộ hệ thống các quy hoạch trên địa bàn tỉnh; bảo đảm sự thống nhất giữa Quy hoạch tỉnh với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch Vùng và các quy hoạch khác có liên quan.

c) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt.

d) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch, đảm bảo phù hợp với các nội dung theo Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Đảm bảo tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn, trong đó chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thủy lợi, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng số để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình đổi mới các mô hình phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng tạo ra giá trị, hiệu quả cao.

d) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương và khả năng cân đối nguồn lực đầu tư. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; sớm đưa dự án vào khai thác sử dụng, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm trong thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Các chương trình, dự án triển khai thực hiện quy hoạch

a) Về các dự án đầu tư công

- Tập trung triển khai các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, có tính kết nối liên vùng, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, hạ tầng giao thông nông thôn; hạ tầng phát triển công nghiệp; hạ tầng thông tin và truyền thông; hạ tầng lưới điện; hạ tầng cấp nước, thủy lợi; hạ tầng số; hạ tầng kỹ thuật tại các trung tâm đô thị, khu vực động lực tăng trưởng, hành lang kinh tế đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả. Dành nguồn lực để hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Tập trung bố trí vốn đối ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án sử dụng vốn ODA.

- Quan tâm thực hiện các dự án hạ tầng phát triển du lịch; trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh; đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao quan trọng; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất y tế, giáo dục và đào tạo; đầu tư cơ sở bảo trợ xã hội, an sinh xã hội; đầu tư hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ phòng cháy chữa cháy, quốc phòng, an ninh.

b) Về các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư hoàn thiện hạ tầng kinh tế, xã hội của tỉnh nhằm phát huy tối đa hiệu quả các công trình hạ tầng đầu tư công.

- Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường; tăng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện hữu và đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như: công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và sản xuất năng lượng tái tạo quy mô lớn; hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Phát triển dịch vụ - đô thị, dịch vụ tài chính - ngân hàng, bưu chính viễn thông, logistics có trọng tâm, trọng điểm; thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính, có năng lực, kinh nghiệm để đầu tư vào các khu du lịch dựa trên các thế mạnh về du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái gắn với lịch sử, văn hóa, tâm linh.

- Đầu tư phát triển nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp; thu hút doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái, du lịch trải nghiệm.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các dự án đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp; cơ sở y tế; cơ sở bảo trợ xã hội; cơ sở dịch vụ thể dục thể thao.

- Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích đất sử dụng, hướng tuyến, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án.

c) Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện đến năm 2030

- Định hướng danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện đến năm 2030 theo các ngành, lĩnh vực.

- Quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của các dự án đầu tư công và đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công sẽ được tính toán, xác định trong từng giai đoạn cụ thể và trong quá trình triển khai đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan.

(Chi tiết danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện tại Phụ lục kèm theo)

2. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trên cơ sở nhu cầu phát triển, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với các định hướng sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của cả nước, Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc.

3. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm là 11% trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030, tỉnh Đắk Lắk dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 715.800 tỷ đồng, cụ thể:

| STT | Chỉ tiêu | Giai đoạn 2021-2025 | | Giai đoạn 2026-2030 | |
|-----|---------------------------------------|---------------------|-------------|---------------------|-------------|
| | | Tỷ đồng | % | Tỷ đồng | % |
| | Tổng số | 275.200 | 100 | 440.600 | 100 |
| 1 | Nguồn ngân sách nhà nước | 26.144 | 9,5 | 37.451 | 8,5 |
| 2 | Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước | 248.781 | 90,4 | 402.268 | 91,3 |
| 2.1 | <i>Doanh nghiệp</i> | <i>161.708</i> | <i>58,8</i> | <i>281.587</i> | <i>63,9</i> |
| 2.2 | <i>Khu vực dân cư</i> | <i>87.073</i> | <i>31,6</i> | <i>120.680</i> | <i>27,4</i> |
| 3 | Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) | 275,2 | 0,1 | 881,2 | 0,2 |

III. CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch Vùng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong trường hợp có mâu thuẫn theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Triển khai rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

c) Nghiên cứu, ban hành các đề án, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi kèm với các chính sách ưu đãi đầu tư để tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

d) Ban hành kịp thời, đồng bộ, thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội, gắn với tiến bộ, công bằng xã hội.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh và Trung ương. Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực, các dự án quan trọng, cấp bách, có tính đột phá và sức lan tỏa; ưu tiên các công trình trọng điểm, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công có hiệu quả.

b) Tập trung thu hút phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, chế biến nông, lâm sản có lợi thế cạnh tranh của tỉnh. Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư đúng tiến độ đề ra. Kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nghiên cứu, triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ cho khu vực kinh tế tư nhân.

d) Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu từng thời kỳ phát triển của tỉnh, phù hợp xu thế phát triển chung của vùng, cả nước. Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất trường Đại học Tây Nguyên trở thành trung tâm, động lực phát triển giáo dục đại học cho vùng. Ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp các trường đại học tại tỉnh Đắk Lắk trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của tỉnh và vùng Tây Nguyên.

b) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và xu thế nghề nghiệp. Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có chất lượng, bảo đảm năng lực ở mọi lĩnh vực.

c) Tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục, bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục trong tổng ngân sách nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và quản lý sử dụng có hiệu quả. Đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên cho những vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích liên kết hợp tác với các tổ chức giáo dục nước ngoài có uy tín. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về kỹ năng, chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

d) Phát triển thị trường lao động theo hướng ưu tiên phát triển lao động trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo. Đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng, thiết bị và hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến.

đ) Củng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm; tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp sử dụng lao động, đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực chất lượng cao trên cơ sở kết hợp nguồn lực giữa doanh nghiệp và các chính sách ưu đãi nhằm tận dụng nguồn nhân lực sẵn có trên địa bàn.

4. Về phát triển khoa học và công nghệ

a) Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế của địa phương theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm, hàng hóa có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

b) Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực, có thế mạnh của tỉnh. Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm của tỉnh.

c) Đưa khoa học - công nghệ gắn với sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng, đạt các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap và các quy chuẩn khác nhằm hướng tới mục tiêu xuất khẩu.

d) Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; phát triển Đắc Lắc thành trung tâm chuyển đổi số của vùng. Huy động và lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số.

đ) Tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; phòng chống hiệu quả các hoạt động phá hoại, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử; tham gia chia sẻ dữ liệu quản lý công dân trong một số lĩnh vực công trực tuyến như: Định danh điện tử, lưu trữ và truy xuất thông tin người dân.

5. Về bảo đảm an sinh xã hội

a) Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững, gắn với đảm bảo an sinh xã hội; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

b) Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các trung tâm đô thị, hành lang kinh tế. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

c) Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhằm giúp cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo và bảo đảm thực hiện giảm nghèo bền vững.

d) Triển khai hiệu quả các chính sách đối với người có công, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế.

6. Về bảo vệ môi trường

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

b) Xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp.

c) Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng.

d) Thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo, hydrogen xanh; dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường; các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

đ) Tận dụng các điểm mạnh về rừng và không gian sinh thái đặc thù của địa phương để thực hiện phân tích, nhận dạng và phát triển các dự án có tiềm năng phát hành tín chỉ các-bon theo các tiêu chuẩn.

e) Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời xử lý nghiêm vi phạm về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu, chi ngân sách và đầu tư công. Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn vốn huy động khác để đầu tư các dự án trọng điểm về kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kết cấu hạ tầng xã hội. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên.

b) Thực hiện hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách, phát triển nguồn thu ổn định, bền vững. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

8. Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh; phát huy hiệu quả thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh Nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện hiệu quả các quy hoạch trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh theo quy định.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung quy hoạch, xây dựng trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, phường, thị trấn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện

Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk; (iii) thực hiện nghiêm túc các cam kết tại Công văn số 8603/UBND-TH ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; (iv) tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các chương trình, dự án tại Phụ lục kèm theo; (v) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin rộng rãi tới Nhân dân, các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài và chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Định kỳ báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN
(Kèm theo Quyết định số 1212/QĐ-TTg
ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|----------|--|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| I | Lĩnh vực nông nghiệp | | | | | |
| 1 | Dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Cư M'gar | x | x | | x | |
| 2 | Dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Krông Búk | x | x | | x | |
| 3 | Các dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Buôn Ma Thuột | x | x | | x | |
| 4 | Dự án phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu | x | x | x | x | |
| 5 | Trung tâm hỗ trợ sản xuất nông - lâm nghiệp tại huyện Krông Ana | x | x | x | x | |
| 6 | Dự án Giảm phát thải khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ nhằm hỗ trợ đạt được các mục tiêu Chương trình Redd + Quốc gia ở Việt Nam tại tỉnh Đắk Lắk | x | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 7 | Các dự án triển khai Chương trình hỗ trợ của EU cho ngành lâm nghiệp giai đoạn 2023 - 2027 | x | x | | x | |
| 8 | Các Chương trình, Đề án phát triển ngành nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh | x | x | x | x | |
| 9 | Dự án ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch tại huyện Cư M'gar | x | x | | x | |
| 10 | Các dự án chăn nuôi và sản xuất ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Cư M'gar | x | x | | x | |
| 11 | Các dự án ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Ea H'leo | x | x | | x | |
| 12 | Dự án ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao vào chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp tại huyện Ea Súp | x | x | | x | |
| 13 | Các dự án ứng dụng công nghệ cao vào chăn nuôi tại huyện Lắk | x | x | | x | |
| 14 | Dự án ứng dụng công nghệ cao vào chăn nuôi tại huyện Krông Bông | x | x | | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|--|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 15 | Dự án ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Krông Búk | x | x | | x | |
| 16 | Dự án ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao huyện Krông Năng | x | x | | x | |
| 17 | Dự án ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Ea Kar | x | x | | x | |
| 18 | Dự án ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao sản xuất cây ăn quả và cây công nghiệp tại thị xã Buôn Hồ | x | x | | x | |
| 19 | Dự án ứng dụng công nghệ cao sản xuất cây ăn quả và cây công nghiệp tại huyện Krông Bông | x | x | | x | |
| 20 | Dự án ứng dụng công nghệ cao sản xuất rau tại huyện Krông Năng | x | x | | x | |
| 21 | Các dự án chăn nuôi tập trung tại huyện Ea H'leo | x | x | | x | |
| 22 | Dự án chăn nuôi kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện M'Đrăk | x | x | | x | |
| 23 | Dự án chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao tại huyện M'Đrăk | x | x | | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----------|--|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 24 | Các dự án chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao tại huyện Ea Súp | x | x | | x | |
| 25 | Dự án Khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung tại huyện Krông Năng | x | x | | x | |
| 26 | Các dự án Khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung tại huyện Krông Năng | x | x | | x | |
| 27 | Dự án Khu sản xuất, chế biến nông sản tại huyện Cư M'gar | x | x | | x | |
| 28 | Dự án nhà máy chế biến sản phẩm nông nghiệp tại huyện Buôn Đôn | x | x | | x | |
| 29 | Dự án trồng rừng, cải tạo bảo vệ rừng kết hợp chăn nuôi heo công nghệ cao tại huyện Ea Súp | x | x | | x | |
| 30 | Các dự án thu hút trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng, trồng cây dược liệu | x | x | x | x | |
| II | Lĩnh vực công nghiệp | | | | | |
| 1 | Hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp được quy hoạch cho giai đoạn quy hoạch 2021 - 2030 | x | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| | Hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp được quy hoạch cho giai đoạn quy hoạch 2031 - 2050 | | x | x | x | |
| 2 | Hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp được quy hoạch cho giai đoạn quy hoạch 2021 - 2030 | x | x | x | x | |
| 3 | Hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp được quy hoạch cho giai đoạn quy hoạch 2031-2050 | | x | x | x | |
| 4 | Dự án đầu tư sản xuất nước trái cây tại thành phố Buôn Ma Thuột | x | x | | x | |
| 5 | Dự án nhà máy chế biến thực phẩm tại thành phố Buôn Ma Thuột | x | x | | x | |
| 6 | Dự án nhà máy sản xuất sản phẩm năng lượng xanh tại huyện Ea H'leo | x | x | | x | |
| 7 | Công nghiệp sản xuất điện | x | x | | x | Đầu tư các dự án điện nguồn trên địa bàn tỉnh căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|------------|---|-------------------|----------------|------------------------------|-----------------------------|---|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| | | | | | | Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |
| III | Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch | | | | | |
| 1 | Dự án đầu tư Khu du lịch quốc gia Yok Đôn | x | x | | x | |
| 2 | Dự án đầu tư Khu trung tâm thương mại, nhà phố thương mại, dịch vụ giải trí tại thành phố Buôn Ma Thuột | x | x | | x | |
| 3 | Dự án đầu tư Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Lắk | x | x | | x | |
| 4 | Dự án đầu tư Khu du lịch sinh thái vườn quốc gia Chư Yang Sin | x | x | | x | |
| 5 | Dự án Hỗ trợ công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch | x | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|--|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 6 | Các dự án Bảo tồn tài nguyên và môi trường du lịch tỉnh Đắk Lắk | x | x | x | | |
| 7 | Các dự án: Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng sinh thái cà phê tại Buôn Ako Đông; Khu du lịch hồ Ea Kao; Làng Văn hóa du lịch Buôn Kon H'ring; Khu du lịch cụm thác Dray Sáp Thượng và Dray Nur; Khu du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô; Khu du lịch sinh thái Hồ Ea Bông; Khu du lịch sinh thái, văn hóa dân tộc Buôn Tring; Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng đèo Hà Lan; Khu du lịch nghỉ dưỡng hồ Ea Chu Cáp; Khu du lịch hồ Yang Reh; Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Krông Pách Thượng tại huyện Ea Kar; Khu du lịch gắn với địa danh lịch sử Thác Dray Kpor tại huyện Ea Kar; Khu dịch vụ giải trí hồ Ea Knốp | x | x | | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|--|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| | tại huyện Ea Kar; Không gian văn hóa các dân tộc tại huyện Ea Kar; Khu du lịch tại khu vực Hồ thị trấn Ea Drăng tại huyện Ea Hleo; Khu du lịch Hồ Ea Ral tại huyện Ea H'leo; Khu du lịch sinh thái huyện Buôn Đôn; Phát triển Khu du lịch sinh thái lòng hồ Sêrêpôk 3 tại huyện Buôn Đôn; Khu du lịch thác Krông Kmar tại huyện Krông Bông; Phát triển du lịch dưới tán rừng tại huyện Buôn Đôn. | | | | | |
| 8 | Dự án Cải tạo hạ tầng kỹ thuật hành lang suối Ea Nao - Ea Tam (thành phố Buôn Ma Thuột) | x | x | x | x | |
| 9 | Dự án đầu tư Công viên động vật hoang dã Tây Nguyên | | x | | x | |
| 10 | Dự án đầu tư Khu phức hợp vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng hồ Lắk theo tiêu chuẩn quốc tế | x | x | | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|--|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 11 | Dự án đầu tư Khu vui chơi giải trí và các dịch vụ bổ trợ khu du lịch quốc gia Yok Đôn | x | x | | x | |
| 12 | Dự án phát triển Khu phố đêm cho các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí, dịch vụ ăn uống, mua sắm và du lịch | x | x | | x | |
| 13 | Dự án đầu tư Khu hoạt động thể thao mạo hiểm (dù lượn, leo núi, chèo thuyền vượt thác, đua xe địa hình...), hoạt động vui chơi giải trí, khám phá thiên nhiên gắn với hệ thống cảnh quan rừng, núi, hồ nước, thác nước | x | x | | x | |
| 14 | Dự án đầu tư Khu trường đua ngựa có đặt cược, huyện M'Đrăk | x | x | | x | |
| 15 | Chợ đầu mối (2 điểm) tại thành phố Buôn Ma Thuột | x | x | | x | |
| 16 | Chợ đầu mối tại thị xã Buôn Hồ, thị xã Ea Kar, thị trấn Ea Drăng | x | x | | x | |
| 17 | Các siêu thị hạng II, III tại khu vực trung tâm thành phố, thị xã | x | x | | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----------|--|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 18 | Các trung tâm thương mại tại thành phố Buôn Ma Thuột và các trung tâm thương mại gắn với các khu đô thị mới | x | x | | x | |
| 19 | Nâng cấp sản giao dịch nông sản | x | x | x | x | |
| 20 | Dự án Trung tâm Logistics và Triển lãm tỉnh Đắk Lắk | x | x | | x | |
| 21 | Trung tâm hội chợ, triển lãm vùng Tây Nguyên | x | x | x | x | |
| 22 | Các dự án du lịch sinh thái của các Ban quản lý rừng, Công ty lâm nghiệp, tổ chức quản lý rừng trên địa bàn tỉnh | x | x | x | x | |
| 23 | Các dự án phát triển thương mại dịch vụ tại huyện Ea H'leo | x | x | | x | |
| 24 | Khu phát triển thương mại dịch vụ du lịch trong khu vực sân gôn huyện Buôn Đôn | x | x | | x | |
| IV | Lĩnh vực văn hóa, bảo tồn | | | | | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp quy mô hoạt động Thư viện tỉnh: Mô hình thư viện truyền thống, kết hợp | x | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| | thư viện điện tử, chuyển dần sang cung cấp dịch vụ thư viện số (số hóa vốn tài liệu) tại thành phố Buôn Ma Thuột | | | | | |
| 2 | Đầu tư xây dựng “Không gian trưng bày Bảo tàng Đăk Lăk” tại thành phố Buôn Ma Thuột; đầu tư chuyển đổi số hoạt động của Bảo tàng Đăk Lăk, giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 (giai đoạn 1) | x | x | x | x | |
| 3 | Đầu tư các dự án: Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột; Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh; Di tích lịch sử quốc gia Biệt điện Bảo Đại; Di tích lịch sử Đồn điền CADA; Di tích lịch sử Địa điểm Miếu thờ tại Đồn điền CADA; Di tích lịch sử Sở Chỉ huy - nơi công bố Quyết định thành lập Quân | x | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|----------|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| | đoàn 3; Di tích lịch sử quốc gia Đình Lạc Giao; Bảo tàng Đắk Lắk | | | | | |
| 4 | Đầu tư các dự án: Bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích lịch sử quốc gia, di tích lịch sử cấp tỉnh; Danh lam thắng cảnh quốc gia, cấp tỉnh gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | X | X | X | X | |
| 5 | Xây dựng Đền thờ Vua Hùng của vùng Tây Nguyên đặt tại tỉnh Đắk Lắk | X | X | | X | |
| 6 | Đầu tư xây dựng mới Trung tâm văn hóa tỉnh; Nhà hát Ca múa nhạc tỉnh Đắk Lắk tại thành phố Buôn Ma Thuột; Trung tâm Văn hóa điện ảnh đa chức năng vùng Tây Nguyên (giai đoạn 2) | X | X | X | | |
| V | Lĩnh vực thể dục, thể thao | | | | | |
| 1 | Khu liên hợp thể thao vùng Tây Nguyên tại thành phố Buôn Ma Thuột | X | X | X | X | |
| 2 | Sân vận động tỉnh Đắk Lắk tại thành phố Buôn Ma Thuột | X | X | X | X | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 3 | Đầu tư xây dựng các công trình thể dục thể thao (sân vận động, sân tập thể thao, nhà tập luyện, nhà thi đấu, bể bơi, các công trình thể thao khác) tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh | x | x | x | x | |
| 4 | Nhà thi đấu đa năng tại thành phố Buôn Ma Thuột | x | x | x | x | |
| 5 | Nhà tập luyện tổng hợp (cho các môn thể thao) tại các huyện, thị xã | | x | x | x | |
| 6 | Làng văn hóa thể dục thể thao: Ký túc xá, phòng nghỉ các đoàn đến thi đấu... tại các huyện, thị xã | | x | x | x | |
| 7 | Sân vận động cấp huyện tại các huyện, thị xã | | x | x | x | |
| 8 | Nhà tập luyện và thi đấu tại các huyện, thị xã | | x | x | x | |
| 9 | Bể bơi đạt tiêu chuẩn tại các huyện, thị xã | x | x | x | x | |
| 10 | Trung tâm thể dục thể thao khu vực bao gồm sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu, bể bơi đủ tiêu chuẩn để đăng | | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----------|--|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| | cai các giải thể thao trong khu vực và toàn quốc tại huyện Krông Păk, thị xã Buôn Hồ, huyện Ea Kar, huyện Krông Bông | | | | | |
| 11 | Công trình thể dục thể thao (sân vận động, sân tập thể thao, nhà tập luyện, bể bơi, các công trình thể thao khác) tại các xã, phường, thị trấn | x | x | x | x | |
| 12 | Dự án sân gôn hồ Ea Kao | x | x | | x | |
| 13 | Dự án sân gôn hồ Ea Nhái | x | x | | x | |
| 14 | Dự án sân gôn Buôn Đôn | x | x | | x | |
| 15 | Dự án sân gôn hồ Lắc | x | x | | x | |
| VI | Lĩnh vực thông tin, truyền thông | | | | | |
| 1 | Đầu tư bưu cục cho chương trình xây dựng nông thôn mới | x | x | | x | |
| 2 | Ngầm hóa cáp viễn thông | x | x | | x | |
| 3 | Dự án xây dựng đô thị thông minh Buôn Ma Thuột và các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số | x | x | x | | |
| 4 | Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh | x | x | x | | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|------------|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 5 | Xây dựng và phát triển Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC) | x | x | x | | |
| 6 | Số hóa hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (thành phố, thị xã, huyện và đơn vị hành chính cấp xã) | x | x | x | x | |
| VII | Lĩnh vực y tế | | | | | |
| a | Tuyến Trung ương | | | | | |
| 1 | Xây dựng bệnh viện tuyến Trung ương phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho vùng Tây Nguyên (1.000 giường) tại thành phố Buôn Ma Thuột | x | x | x | x | |
| b | Dự án ngành y tế tỉnh | | | | | |
| 1 | Xây dựng Trung tâm Ung bướu tỉnh Đắk Lắk (400 giường) | x | x | x | x | |
| 2 | Xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh | x | x | x | x | |
| 3 | Xây dựng Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ | x | x | x | x | |
| 4 | Xây dựng Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk (600 giường) | | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 5 | Đầu tư xây dựng Trung tâm can thiệp tim mạch, Thận nhân tạo | | x | x | x | |
| 6 | Xây dựng Bệnh viện phục hồi chức năng (200 giường) | | x | x | x | |
| 7 | Xây dựng Bệnh viện nội tiết (250 giường) | | x | x | x | |
| 8 | Xây dựng Bệnh viện chuyên khoa da liễu (100 giường) | | x | x | x | |
| 9 | Xây dựng Trung tâm Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi | | x | x | x | |
| 10 | Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế tại 15 huyện, thị xã, thành phố các đơn vị y tế | x | x | x | x | |
| 11 | Xây dựng Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình tỉnh Đắk Lắk (400 giường) | | x | x | x | |
| 12 | Nâng cấp Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên | x | x | x | x | |
| 13 | Nâng cấp Bệnh viện y học cổ truyền | | x | x | x | |
| 14 | Nâng cấp Bệnh viện Mắt | | x | x | x | |
| 15 | Nâng cấp Bệnh viện Phổi | | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-------------|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 16 | Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần | | x | x | x | |
| 17 | Nâng cấp Bệnh viện đa khoa khu vực 333 | | x | x | x | |
| c | Dự án mua sắm trang thiết bị | | | | | |
| 1 | Đầu tư mua sắm trang thiết bị, chuyển đổi số đảm bảo công tác chuyên môn đối với các bệnh viện, trung tâm, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh | x | x | x | x | |
| VIII | Lĩnh vực giáo dục, đào tạo | | | | | |
| 1 | Dự án Nâng cấp Trường Đại học Tây Nguyên | x | x | x | x | |
| 2 | Dự án Xây dựng Trường Đại học Y Dược | x | x | x | x | |
| 3 | Dự án Xây dựng phân khu Đại học thành phố Buôn Ma Thuột | x | x | x | x | |
| 4 | Dự án Xây dựng Trường Cao đẳng Đăk Lăk thành trường chất lượng cao | | x | x | x | |
| 5 | Dự án thành phố giáo dục tại thành phố Buôn Ma Thuột | x | x | | x | |
| IX | Lĩnh vực trợ giúp xã hội | | | | | |
| 1 | Xây mới cơ sở chăm sóc người cao tuổi | x | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|----------|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 2 | Nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Lắk | x | x | x | x | |
| 3 | Nâng cấp cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy công lập | x | x | x | x | |
| 4 | Nâng cấp cơ sở chăm sóc, điều dưỡng người có công với cách mạng | x | x | x | x | |
| 5 | Nâng cấp Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đắk Lắk | x | x | x | x | |
| X | Lĩnh vực đô thị, nhà ở | | | | | |
| 1 | Chương trình xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt. Thí điểm, đầu tư các giải pháp kỹ thuật nhằm thích ứng với ngập lụt do mưa lớn, thí điểm, đầu tư các giải pháp kỹ thuật phòng chống thiên tai (lũ quét và sạt lở đất...) cho các cụm dân cư. | x | x | x | x | |
| 2 | Các dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đô thị trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ thông qua các biện pháp cải thiện hệ thống giao thông công cộng, tăng diện tích cây xanh | x | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 3 | Dự án hệ thống giao thông công cộng xanh, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giao thông công cộng đô thị (thí điểm tại thành phố Buôn Ma Thuột) | x | x | x | x | |
| 4 | Dự án nhà máy xử lý nước thải tập trung cho đô thị, nâng cao năng lực thoát nước đô thị, chống ngập, cải tạo hệ thống kênh rạch, sông suối trong đô thị, kết hợp xanh hóa cảnh quan đô thị (thí điểm tại thành phố Buôn Ma Thuột) | x | x | x | x | |
| 5 | Đầu tư xây dựng không gian công cộng đô thị, xanh hóa cảnh quan đô thị (thí điểm tại thành phố Buôn Ma Thuột) | x | x | x | x | |
| 6 | Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2030 | x | x | x | x | |
| 7 | Khu dân cư nông thôn mới tại huyện Krông Năng | x | x | x | x | |
| 8 | Khu Trung tâm hành chính huyện Krông Năng | x | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----------|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|--|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 9 | Bố trí các khu dân cư tập trung tại các huyện trên địa bàn tỉnh | x | x | x | x | |
| XI | Lĩnh vực giao thông | | | | | |
| A | Nâng cấp, kéo dài, đầu tư xây dựng các tuyến đường tỉnh | | | | | |
| 1 | ĐT.689 (Tỉnh lộ 9) | x | | x | | Hiện dự án đang triển khai thi công giai đoạn 2021 - 2025 |
| 2 | ĐT.690 (Tỉnh lộ 10) | | x | x | | |
| 3 | ĐT.693D (Tỉnh lộ 13D), đường động lực | | x | x | | |
| 4 | ĐT.689B (Tỉnh lộ 9B) | x | x | x | | Đã đầu tư 1 cầu (Ln = 6 x 33m) và đường hai đầu cầu khoảng 1km giai đoạn 2021 - 2025 |
| 5 | ĐT.699 (Tỉnh lộ 3), đường động lực | x | x | x | | Đã đầu tư đoạn từ Km0 + 00 - Km12 + 00 giai đoạn 2021 - 2025 |
| 6 | ĐT.687 (Tỉnh lộ 7) | x | x | x | | Đã đầu tư đoạn từ Km9 + 00 - Km21 + 222 giai đoạn 2021 - 2025 |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 7 | ĐT 687B (Tỉnh lộ 7B), đường liên kết | x | x | x | | |
| 8 | ĐT.692 (Tỉnh lộ 12) | x | x | x | | Đã đầu tư đoạn từ Km0 + 00 - Km13 + 869 (giai đoạn 2016 - 2020) và Km15 + 500 - Km31 + 00 (giai đoạn 2021 - 2025) |
| 9 | ĐT.693 (Tỉnh lộ 13) | x | x | x | | Đã đầu tư đoạn km0 + 00 - km25 + 00 giai đoạn 2021 - 2025 |
| 10 | ĐT 693C (Tỉnh lộ 13C), đường liên kết | | x | x | | |
| 11 | ĐT.694 (Tỉnh lộ 14), đường động lực | | x | x | | |
| 12 | ĐT.695 (Tỉnh lộ 15), đường liên kết | x | x | x | | |
| 13 | ĐT 696C (Tỉnh lộ 16C), đường liên kết | | x | x | | |
| 14 | ĐT 697D (Tỉnh lộ 17D), đường liên kết | | x | x | | |
| 15 | ĐT.698 (Tỉnh lộ 2), đường liên kết | x | x | x | | Đã đầu tư đoạn từ Km0 + 00 - Km22 + 550 giai đoạn 2021 - 2025 |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|--|-------------------|----------------|------------------------------|-----------------------------|--|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 16 | ĐT.698B (Tỉnh lộ 2B), đường liên kết | x | x | x | | |
| 17 | ĐT 696D (Tỉnh lộ 16D) | x | x | x | | Đã đầu tư từ Km0 + 00 - Km7 + 00 giai đoạn 2021 - 2025 |
| 18 | ĐT.697 (Tỉnh lộ 1) | x | x | x | | Đã đầu tư đoạn từ Km0 + 00 - Km79 + 510 giai đoạn 2021 - 2025 |
| 19 | ĐT.697E (Tỉnh lộ 5), vành đai | | x | x | | |
| 20 | ĐT 697B (Tỉnh lộ 17B) | | x | x | | |
| 21 | ĐT 697C (Tỉnh lộ 17C) | | x | x | | |
| 22 | ĐT.697F (Tỉnh lộ 17F), vành đai | | x | x | | |
| 23 | ĐT.688 (Tỉnh lộ 8) | | x | x | | |
| 24 | ĐT.696G (Tỉnh lộ 16G), đường liên kết | | x | x | | |
| 25 | ĐT.691B (Tỉnh lộ 11B) | | x | x | | |
| 26 | ĐT 694B (Tỉnh lộ 14B) | | x | x | | |
| 27 | ĐT.699D (Tỉnh lộ 3D) | | x | x | | |
| 28 | ĐT.688B (Tỉnh lộ 8B) | | x | x | | |
| 29 | ĐT.688C(Tỉnh lộ 8C) | | x | x | | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|-----|--|-------------------|----------------|------------------------------|-----------------------------|--|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| 30 | ĐT.688D (Tỉnh lộ 8D) | | x | x | | |
| 31 | ĐT.688E (Tỉnh lộ 8E) | | x | x | | |
| 32 | ĐT.688F | | x | x | | |
| 33 | ĐT.689C (Tỉnh lộ 9C) | | x | x | | |
| 34 | ĐT.690C (Tỉnh lộ 10C) | | x | x | | |
| 35 | 35ĐT.691 (Tỉnh lộ 11) | | x | x | | |
| 36 | ĐT.696 (Tỉnh lộ 16) | | x | x | | |
| 37 | ĐT.696B (Tỉnh lộ 16B) | x | x | x | | Đầu tư giai đoạn 1 (2021 - 2025) |
| 38 | ĐT.696E (Tỉnh lộ 16E) | x | x | x | | Đã đầu tư đoạn Km0+00-Km12 + 352, giai đoạn 2021 - 2025 |
| 39 | ĐT.697G (Tỉnh lộ 17G), vành đai | | x | x | | |
| 40 | ĐT.698C (Tỉnh lộ 2C) | | x | x | | |
| 41 | ĐT.698D (Tỉnh lộ 2D) | | x | x | | |
| 42 | ĐT 699B (Tỉnh lộ 3B) | | x | x | | |
| 43 | ĐT.699C (Tỉnh lộ 3C) | | x | x | | |
| B | Vành đai, Tuyến tránh và đường nối | x | x | x | x | |
| C | Bảo trì hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường tránh | x | x | x | x | |

| STT | Các chương trình, dự án | Phân kỳ đầu tư | | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn | | Ghi chú |
|------------|---|----------------|-------------|---------------------------|--------------------|---------|
| | | 2021 - 2025 | 2026 - 2030 | Vốn đầu tư công | Các nguồn vốn khác | |
| D | Giao thông tỉnh (bến xe, bãi đỗ,...) | x | x | x | x | |
| E | Đường thủy nội địa | | x | x | x | |
| XII | Trung tâm Logistics và Cảng cạn, ICD | | | | | |
| 1 | Trung tâm Logistics tại huyện Krông Búk | x | x | | x | |
| 2 | Trung tâm Logistics tại thành phố Buôn Ma Thuột | x | x | | x | |
| 3 | Trung tâm Logistics tại huyện Krông Pắc | x | x | | x | |
| 4 | Trung tâm Logistics tại huyện Ea H'leo | x | x | | x | |
| 5 | Trung tâm Logistics tại huyện Ea Kar | x | x | | x | |
| 6 | Cảng cạn tại huyện Krông Búk | x | x | | x | |
| 7 | ICD tại thành phố Buôn Ma Thuột | x | x | | x | |
| 8 | ICD tại huyện Krông Pắc | x | x | | x | |

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án.

- Trong quá trình nghiên cứu triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Việc chấp thuận hoặc quy định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

- Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: thực hiện phê duyệt và triển khai đầu tư phải bảo đảm phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực hiện, khả năng huy động, bố trí các nguồn lực và phải theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.